

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN Y                      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24/6/2022

V/v: "Tranh chấp HNGĐ"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Ngọc Thắng.

2. Bà Nguyễn Thị Cường.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, Bắc Giang.

*- Đại diện VKSND huyện Y, Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2022 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Mạc Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện M, tỉnh Y2.

**\* Bị đơn:** Anh Lý Văn T1, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn Đ, xã T3, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Chị T và anh T1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Mạc Thị T trình bày:* Chị kết hôn với anh Lý Văn T1 vào năm 2020, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Y2. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh T1 tại thôn Đ, xã T3, huyện Y trong thời gian một tháng. Sau đó, hai vợ chồng về thôn N, xã N, huyện M sống được hai tháng, T cảm vợ chồng vẫn hạnh phúc. Chung sống được ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau nên sau đó anh T1 đã bỏ về

nhà bố mẹ đẻ để sống. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì chị và anh T1 không liên lạc với nhau. Anh chị cũng không có con chung, kinh tế chung không có. Nay chị xác định T cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh T1.

- Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: vợ chồng chị không có nên chị không yêu cầu giải quyết. Do điều kiện đi lại khó khăn và ở xa nên chị đề nghị xét xử vắng mặt.

*\* Tại Biên bản ghi lời khai, bị đơn là anh Lý Văn T1 trình bày:*

Anh kết hôn với chị Mạc Thị T vào năm 2020, Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Y2. Sau khi kết hôn, anh chị cùng chung được 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau nên sau đó chị T về Y2 sinh sống. Anh chị sống ly thân từ đó. Trong thời gian ly thân thì không liên lạc với nhau. Anh chị cũng không có con chung, kinh tế chung không có. Nay anh xác định T cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: không có. Vì bận công việc nên anh đề nghị xét xử vắng mặt.

*\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến:*

- Việc T1 theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điều 39; khoản 1 điều 228; điều 238; điều 147; điều 271; điều 273 BLTTDS.

Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mạc Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh T1.

- Về con chung: Chị T và anh T1 chưa có con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị T, anh T1 không có tài sản chung, không liên quan vay nợ nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Mạc Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn anh T1, cư trú tại thôn Đ, xã T3, huyện Y. Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án “ly hôn” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị T và anh T1 vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1:

Chị T và anh T1 kết hôn năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau ngay, T cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau về tính nết, quan điểm sống, anh chị cũng không có con chung. Sống với nhau được ba tháng thì anh chị ly thân từ đó đến nay. Qua xác minh tại địa phương, địa phương cũng xác định được chị T và anh T1 có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Nay chị T và anh T1 đều xác định không còn T cảm vợ chồng, chị T yêu cầu xin ly hôn, anh T1 cũng đồng ý. HĐXX thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T ly hôn anh T1.

[4] Về con chung: Chị T, anh T1 không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Mạc Thị T phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mạc Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Mạc Thị T được ly hôn anh Lý Văn T1.

2. Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: chị Mạc Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu 0008732 ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- CCTHADS huyện Y;
- UBND xã N;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Hùng**

